TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Te

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Thành Trung

Ngày 09/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03/4/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre

- **Bị đơn**: anh Huỳnh Văn K, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp L 2, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

(chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Chị T và anh Huỳnh Văn K kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/4/2016; hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại ấp L 2, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, anh chị đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay.

Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Huỳnh Văn K nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: chị T yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn K, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Huỳnh Văn K đến để tiến hành hòa giải nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện G mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Huỳnh Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn K. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Ly hôn*".

- Bị đơn anh Huỳnh Văn K hiện đang cư trú tại ấp L 2, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Huỳnh Văn K tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/4/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng chị và anh K bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, anh chị đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh K nữa nên xin được ly hôn. Về phía anh K, kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh K tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K đã không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Qua đó, cho thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn; anh K có thái độ bỏ mặc, không hề có ý mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T.

Từ những phân tích trên xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Huỳnh Văn K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì cả hai bên đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân vì thế không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: chị Nguyễn Thị Cẩm T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Cẩm T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Cẩm T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với bị đơn anh Huỳnh Văn K, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Huỳnh Văn K.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Cẩm T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Cẩm T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Cẩm T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003257 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 790.000 (bảy trăm chín mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003258 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Huỳnh Văn K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã L, H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương